

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI 7 NGÀY
(Từ ngày 23/02/2010 đến ngày 01/03/2010)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết: Nhiệt độ: Trung bình: 24,9⁰C; Cao nhất: 35,3⁰C; Thấp nhất: 18,5⁰C
Độ ẩm: TB: 86%; Thấp nhất: 47%; L.mưa: 0,3mm; Ngày mưa: 01

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng:

- Cây lúa: Diện tích gieo cấy 27.081 ha. cấy 3.093 ha; đã sạ khoảng 23.988 ha; lúa đại trà đang giai đoạn đẻ nhánh rộ.

- Ngô: đã trồng 674 ha; Rau các loại 1.250 ha; Hoa các loại 50 ha; Lạc 1.747 ha

- Cây ăn quả: diện tích 3.460 ha; Cây cà phê: diện tích 719 ha.

- Cây cao su: diện tích 8.261 ha, trồng mới 130 ha (A lưới)

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI 7 NGÀY QUA

1. Cây lúa: Sâu cuốn lá nhỏ gây hại mật độ thấp 1-5c/m², sâu chủ yếu giai đoạn trưởng thành, T1-2. Bệnh đạo ôn gây hại trên các giống nhiễm (nếp, Xi23, 13/2, IR38,..), TLB phổ biến 3-10%, nơi cao 50%, cục bộ gây cháy đối với diện tích bị bệnh nông dân phun trừ chậm, trên các chân đất có tầng canh tác mỏng, thiếu nước. Đến nay diện tích lúa nhiễm bệnh đã được phun trừ. Một số diện tích bị sinh lý nghẹt rễ gây hại trên các chân ruộng chua, phèn (Hương Thọ-Hương Trà; Thượng Long, Thượng Nhật, Hương Hữu-Nam Đông; Phú Mỹ, Phú Xuân-Phú Vang). Chuột gây hại gia tăng trên diện rộng, tỷ lệ hại phổ biến 1-5%, cục bộ 20-30%. Ngoài ra rầy các loại, bệnh đốm nâu, dòi đục nõn, bọ trĩ, sâu keo,...gây hại mật độ và TLB thấp.

2. Cây trồng khác:

+ Cây ngô: Rầy lưng trắng, bệnh đốm lá, mật độ và tỷ lệ bệnh thấp.

+ Cây lạc: Bệnh héo rũ gây hại gia tăng, TLB phổ biến 1-5% (Hương Trà, Phong Điền).

+ Cây cao su: Bệnh loét sọc miệng cạo gây hại trên cao su kinh doanh tỷ lệ bệnh 3-5%, nơi cao 7-10% (Nam Đông, Hương Trà). Bệnh nứt vỏ xì mù gây hại cục bộ TLB phổ biến 1-3%, nơi cao 5-10% (Hương Bình, Bình Điền, Hương Thọ huyện Hương Trà; T Long, Hương Hữu – Nam Đông). bệnh héo đen đầu lá gây hại TLB 3-10%, nơi cao 30-40% (Thượng Long, Thượng Nhật – Nam Đông).

+ Cây ăn quả: Bệnh chảy gôm gây hại trên Bưởi Thanh Trà TLB phổ biến 3-10%, nơi cao TLB 20-50% (Thủy Biều - Huế; Hương Vân - Hương Trà...). Các đối tượng khác như bệnh muội đen, sâu đục thân đục cành, rệp sáp gây hại rải rác mật độ và tỷ lệ thấp.

+ Cây lâm nghiệp: Bệnh muội đen gây hại TLB phổ biến 5-10%, nơi cao TLB 20-50% (Phú Lộc, Hương Thủy, A Lưới,...) sâu ăn lá gây hại rải rác, mật độ thấp.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Cây lúa: . Rầy các loại tiếp tục phát triển gia tăng mật độ trên đồng ruộng có khả năng môi giới truyền bệnh virus. Các đối tượng sâu bệnh khác tiếp tục phát sinh và gây hại.

2. Cây trồng khác: Bệnh loét sọc miệng cạo, bệnh nứt vỏ xì tiếp tục phát triển gây hại trên diện tích cao su kinh doanh và kiến thiết cơ bản. Bệnh chảy gôm, sâu đục thân đục cành, sâu vẽ bùa trên cây ăn quả; Bệnh muội đen trên cây lâm nghiệp ;...tiếp tục phát triển gây hại.

IV. ĐỀ NGHỊ:

1. Cây lúa:

+ Diện tích bệnh đạo ôn đã phun trừ và không chế (theo đánh giá của cán bộ BVTV), đề nghị tiếp tục chăm sóc bón phân cân đối, giữ nước trong ruộng giúp cây lúa sớm phục hồi. Diện tích còn lại, tiếp tục chỉ đạo phun trừ có hiệu quả và tăng cường kiểm tra diễn biến của bệnh.

+ Tăng cường điều tra, theo dõi, giám sát đồng ruộng để dự báo chính xác các đối tượng sâu bệnh phát sinh gây hại, nhất là diễn biến của rầy trên đồng ruộng và rầy vào bẫy đèn để có biện pháp quản lý, phòng trừ ngay từ diện hẹp.

+ Hướng dẫn nông dân thường xuyên thăm đồng để phát hiện sớm cây lúa có triệu chứng bất thường: cây lùn, lá xoắn màu xanh đậm, rách mép lá, bọ bẹ lá lúa thấy trên đốt thân có hiện tượng nổi u sần khi sờ tây vào,.... nhổ bỏ tiêu huỷ bằng cách vùi sâu xuống đất.

+ Đối với các chân ruộng bị bệnh sinh lý nghẹt rễ, tháo cạn nước và bón thêm vôi bột 15-20kg/sào để thau chua, rửa phèn sau đó cho nước vào và tiến hành chăm sóc bón phân cho lúa nhanh chóng phục hồi.

+ Kiểm tra bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn để phun trừ bệnh chớm xuất hiện hoặc ruộng bị bệnh chưa phòng trừ kịp thời để hạn chế bệnh lây lan.

- Tổ chức diệt chuột bằng mọi biện pháp để hạn chế mật độ

2. Cây Ngô: Kiểm tra diễn biến rầy để phun trừ kịp thời ngăn ngừa bệnh lùn sọc đen.

3. Cây Cao su: Kết thúc khai thác mù, tiến hành vệ sinh vườn, tia cành ngang, cành thực sinh, chăm sóc bón phân theo quy trình. Tiếp tục xử lý bệnh xỉ mù, bệnh loét sọc miệng cao bằng thuốc Ridomil Gold 68 WP, Vimonyl 72 BTN để hạn chế nguồn bệnh tồn tại và phát triển gây hại.

4. Cây ăn quả: Chỉ đạo phòng trừ bệnh chảy gôm trên cây Bưởi Thanh trà tại Thủy Biều-TP Huế; Hương vân- Hương Trà. Nếu không trừ bệnh triệt để bệnh sẽ lây lan và gây hại nặng, khi gặp thời tiết nắng ẩm bệnh có thể gây chết cây.

5. Cây lâm nghiệp: Các trạm BVTV huyện phối hợp với chính quyền địa phương; BQL rừng; Hạt kiểm lâm chỉ đạo các chủ rừng kiểm tra tình hình sâu bệnh để có biện pháp quản lý, phòng trừ trên diện hẹp.

Các trạm tăng cường thanh kiểm tra, nhằm ngăn chặn kịp thời việc cung ứng thuốc BVTV tùy tiện không đúng chủng loại của các tổ chức, cá nhân kinh doanh thuốc BVTV khi có dịch hại xảy ra. Khuyến khích nông dân các vùng trồng rau sử dụng các loại thuốc có nguồn gốc sinh học để phun trừ các đối tượng sâu bệnh, sử dụng thuốc đúng thuốc và đảm bảo thời gian cách ly nhằm hạn chế dư lượng thuốc BVTV tồn dư trong rau khi thu hoạch.

Nơi nhận:

- Cục BVTV, TTBVTV Khu IV
- VP UBND Tỉnh, Tỉnh Ủy
- Sở NN & PTNT,
- Ô. Hoàng Hữu Hè (P.GĐ Sở)
- Phòng Trồng trọt
- UBND các huyện/TP
- Chi cục BVTV QTrị
- TTKNLN TT Huế
- Báo TT Huế
- Đài Truyền hình Huế (P. Thời sự)
- Đài PT-TH Huế
- Phòng NN & PTNT các huyện/TP
- Trạm BVTV các huyện/TP
- Lưu: KT

Đề báo cáo

Đề phối hợp

Thực hiện

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG
(Đã ký)

Phạm Văn Tân